

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 04: NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG
TỪ TRUNG TÂM XÃ PA TẦN VÀO ĐỒN BIÊN PHÒNG PA TẦN
VÀ RA BIÊN GIỚI/ BĐBP TỈNH LAI CHÂU
THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀO ĐỒN, TRẠM BIÊN PHÒNG**

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

Tên dự án: Dự án thành phần số 04: Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Pa Tần vào Đồn Biên phòng Pa Tần và ra Biên giới/BĐBP tỉnh Lai Châu

Địa điểm thực hiện: Xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu.

Chủ đầu tư: Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng.

Cơ quan được ủy quyền: Ban Chỉ huy BĐBP tỉnh Lai Châu.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.2. Phạm vi:

a. Phạm vi của Dự án:

- Điểm đầu tuyến tại bản Pa Tần đầu nối đường tỉnh lộ 132C).
- Điểm cuối tuyến gồm 2 điểm: Điểm số 1 tại cổng Đồn Biên Phòng Pa Tần; điểm số 2 tại khu vực mốc giới số 56.

b. Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án:

+ Trong giai đoạn triển khai dự án: Hoạt động chuẩn bị và thi công các hạng mục của Dự án.

+ Giai đoạn vận hành: Tổ chức giao thông trên tuyến và hoạt động bảo dưỡng định kỳ trên tuyến đường bộ kết nối.

Phạm vi ĐTM không bao gồm các hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giải phóng mặt bằng; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; hạng mục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc tiểu dự án khác.

1.2.2. Quy mô, công suất

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 26,5 Km; điểm đầu tuyến tại bản Pa Tần đầu nối đường tỉnh lộ 132C); điểm cuối tuyến gồm 2 điểm: Điểm số 1 tại cổng Đồn Biên Phòng Pa Tần; điểm số 2 tại khu vực mốc giới số 56.

Các thông số kỹ thuật chủ yếu: Thiết kế theo TCVN/QS 1472:2009 và vận dụng theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014, nền đường rộng 5,5m; mặt đường rộng 3,5m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng, lèn đường hai bên gia

cổ rộng $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$; công trình thoát nước, công trình phòng hộ; an toàn giao thông kèm theo.

Đây là loại hình dự án nâng cấp công trình giao thông;

Nhóm dự án: Nhóm B.

1.3. Công nghệ sản xuất

Sau khi hoàn thành dự án, tuyến đường sẽ được bàn giao cho đơn vị chức năng thực hiện duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Giải phóng mặt bằng

Dự án chiếm dụng khoảng 48,81 ha, trong đó có 26,71 ha đất rừng phòng hộ, cụ thể như sau:

Bảng 1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và công trình trên đất

STT	Hạng mục công trình	Khối lượng (ha)
I	Phân đoạn ra đường ra Biên giới	48.81
1	Nhóm đất	
-	Đất đường cũ	15.024
-	Đất trồng lúa nước 1 vụ	0.4
-	Đất nương rẫy	6.68
-	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	26.71

(Nguồn: Báo cáo khả thi của dự án, 2026)

Sau khi dự án được phê duyệt, UBND tỉnh Lai Châu sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và thực hiện giao đất cho chủ dự án.

b. Các hạng mục trong giai đoạn xây dựng bao gồm:

*** Hạng mục công trình chính của dự án**

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 26,5 Km; điểm đầu tuyến tại bản Pa Tần đầu nối đường tỉnh lộ 132C); điểm cuối tuyến gồm 2 điểm: Điểm số 1 tại cổng Đồng Biên Phòng Pa Tần; điểm số 2 tại khu vực mốc giới số 56.

Các thông số kỹ thuật chủ yếu: Thiết kế theo TCVN/QS 1472:2009 và vận dụng theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014, nền đường rộng 5,5m; mặt đường rộng 3,5m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng, lèn đường hai bê gia cổ rộng $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$; công trình thoát nước, công trình phòng hộ; an toàn giao thông kèm theo.

*** Hạng mục công trình phụ trợ**

- Công trình trên tuyến: Hệ thống thoát nước, gia cố phòng hộ, an toàn giao thông.
- Hạng mục công trình phục vụ thi công: Dự án dự kiến bố trí 3 công trường.

*** Các hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 66 (phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ) Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; khoản 3 điều 2 và khoản 1 điều 20 (Đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông), Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2025 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước dự án không có cầu có trụ nằm trong lòng sông/kênh, do đó không phải thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động đó đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ, bồi, xói lòng dẫn, xói lở bờ, bãi sông, suy giảm mực nước sông trong mùa cạn, bảo tồn các hệ sinh thái liên quan.

*** Hạng mục công trình phục vụ thi công**

- Công trình trên tuyến: Hệ thống thoát nước, gia cố phòng hộ, an toàn giao thông.
- Hạng mục công trình phục vụ thi công: Dự án dự kiến bố trí 3 công trường

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ và theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định 48/2026/NĐ-CP, Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng của 26,71 ha đất rừng phòng hộ (có nguồn gốc là rừng tự nhiên).

1.6. Nội dung đề nghị xác nhận đã đáp ứng các tiêu chí môi trường

Dự án không thuộc trường hợp Dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

2.1.1. Vị trí địa lý

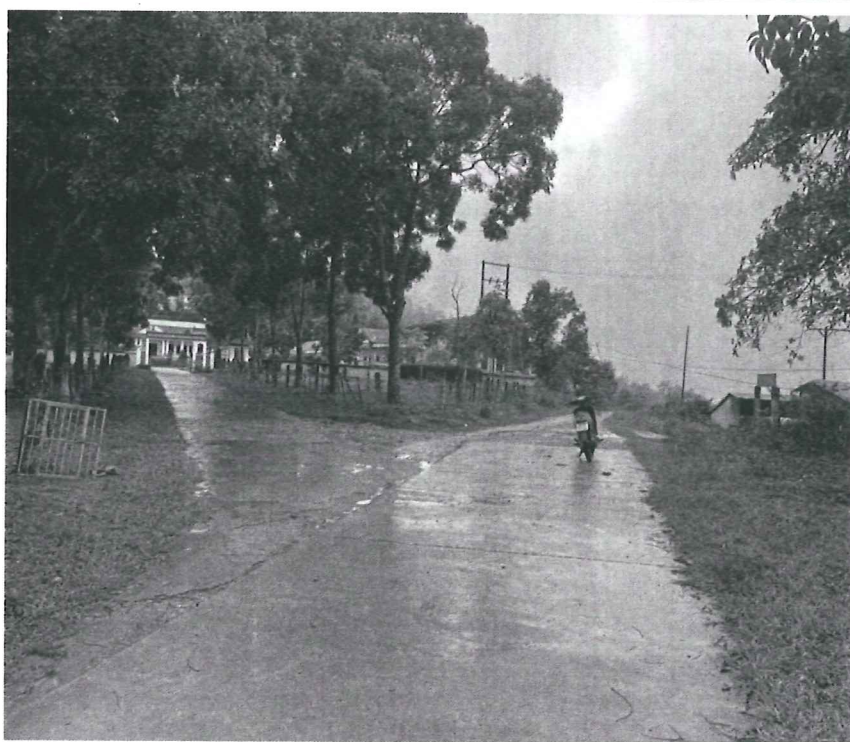
Dự án Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Pa Tàn vào Đồn biên phòng Pa Tàn và ra Biên giới/BĐBP tỉnh Lai Châu Thuộc Dự án Đường vào Đồn, Trạm biên phòng dài 26,5 km nằm trên địa bàn xã Pa Tàn, tỉnh Lai Châu, gồm các phân đoạn sau:

- Phân đoạn 1: Từ Trung tâm xã Pa Tần vào đến cổng Đồn Biên phòng Pa Tần chiều dài khoảng 7.7Km.

+ Điểm đầu tuyến phân đoạn 1: giao với đường Pa Tần - Huổi Luông



+ Điểm cuối tuyến phân đoạn 1: giao với khu vực cổng Đồn Biên phòng Pa Tần.

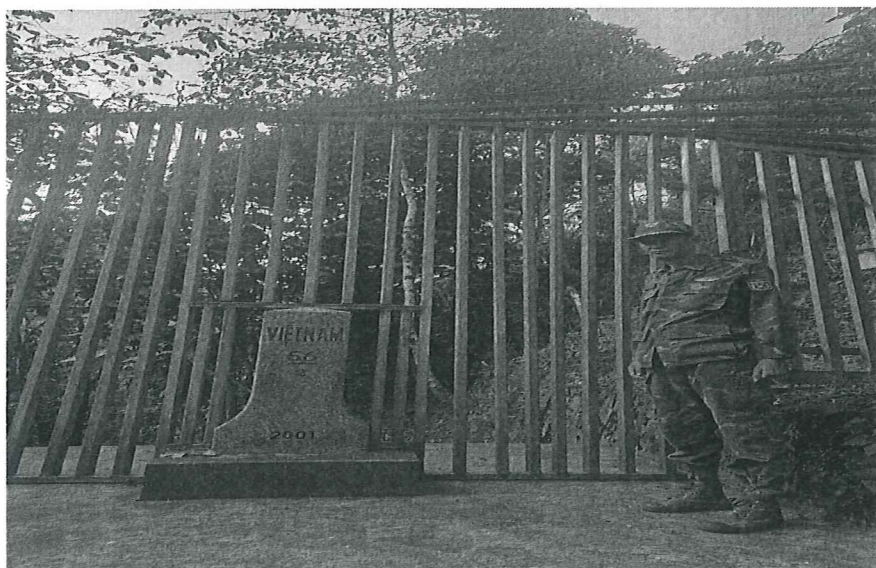


- Phân đoạn 2: Từ bản Pho 1 (Khoảng Km3 của phân đoạn 1 đường vào Đồn Pa Tần) đi qua các bản Nậm Tẩn Mông 2 Nậm Tẩn Mông 1 ra Biên giới gần khu vực mốc 56-2 chiều dài khoảng 18.8Km

+ Điểm đầu tuyến phân đoạn 2: giao với khu vực km3 tuyến phân đoạn 1.



+ Điểm cuối tuyến phân đoạn 2: ra Biên giới gần khu vực mốc 56-2.



- Hướng tuyến:

+ Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến cũ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, tận dụng nền, mặt đường hiện trạng và hạn chế khối lượng GPMB. Riêng các đoạn địa hình khó khăn thực hiện cải tuyến cục bộ, kết hợp thiết kế chằm trước các yếu tố bình đồ với vận tốc thiết kế 15km/h để phù hợp với điều kiện địa hình và hạn chế khối lượng GPMB.

+ Tuyến cơ bản đi trên nền đường hiện trạng có sẵn (nền đường rộng 4,0 ÷ 5,0m), vì vậy thiết kế bình đồ tuyến cơ bản phải bám nền đường cũ hạn chế lấn chiếm vào đất rừng, đất nông nghiệp và giảm khối lượng đào đắp.

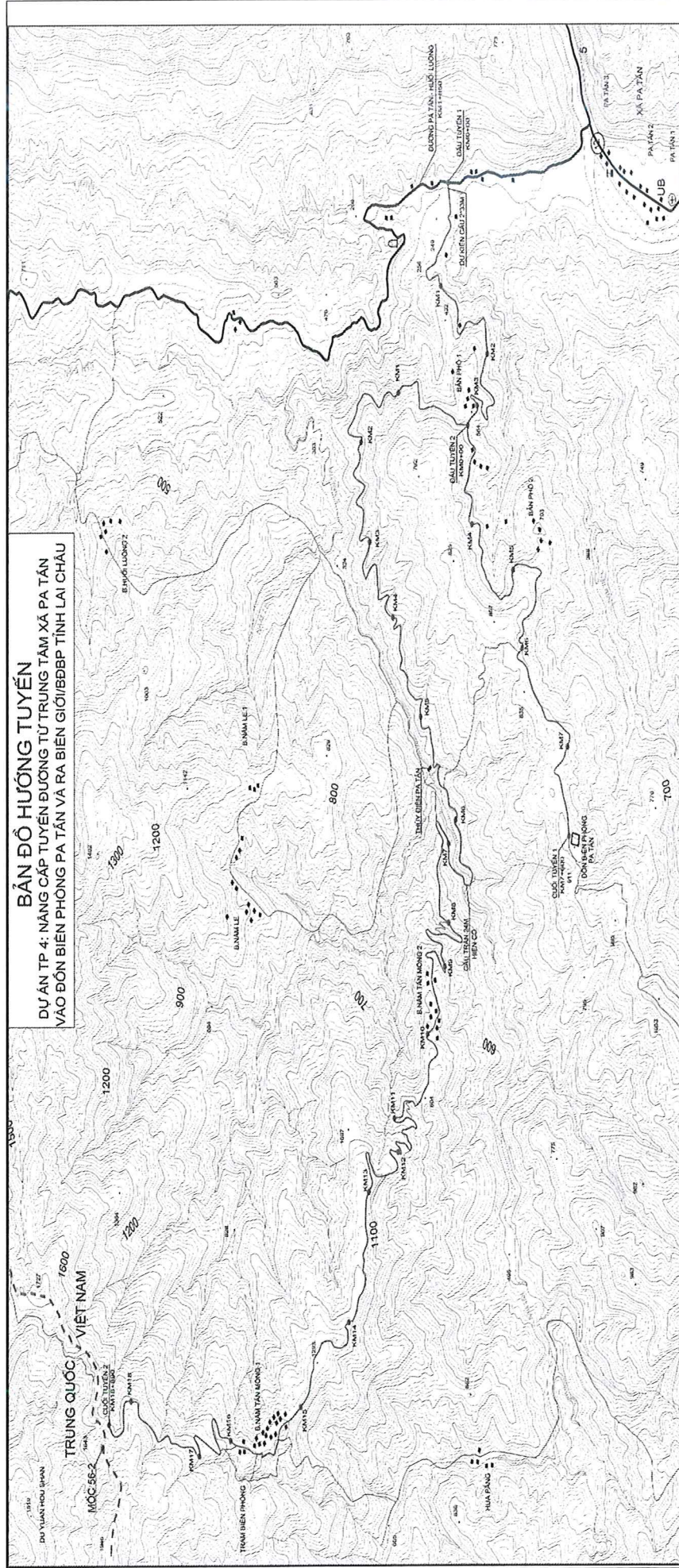
+ Một số vị trí mở mới qua khu vực đồi núi cao, địa hình khó khăn phải bám theo các sườn đồi, núi, dọc suối nhằm bảo đảm độ dốc dọc khống chế và giảm khối lượng đào đắp, bảo vệ cây xanh, thảm thực vật trên tuyến, giữ cảnh quan môi trường.

+ Những đoạn địa hình cho phép thiết kế bình đồ có góc chuyển hướng nhỏ, bán

kính lớn. Trường hợp địa hình phức tạp, khối lượng đào đắp lớn mới thiết kế bán kính tối thiểu và chêm chước nhằm đảm bảo ổn định nền đường, giảm khối lượng đào đắp.

+ Chú ý bảo đảm tuyến uốn lượn đều, trơn tru, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng những trị số tối thiểu để cho xe chạy êm thuận; bảo đảm bán kính đường cong nằm nhỏ nhất 15m theo quy định, trường hợp khó khăn mới sử dụng bán kính đường cong nằm nhỏ nhất 12m.

+ Nâng cao các chỉ tiêu kỹ thuật đã chọn (bán kính đường cong, tầm nhìn, độ dốc dọc...) khi điều kiện cho phép, hạn chế sử dụng các trị số tối thiểu.



Hình 1. Bình đồ hướng tuyến

2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án

- Dự án chiếm dụng khoảng 48,81 ha, trong đó có 26,71 ha đất rừng phòng hộ, cụ thể như sau:

Bảng 2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và công trình trên đất

STT	Hạng mục công trình	Khối lượng (ha)
I	Phân đoạn ra đường ra Biên giới	48.81
1	Nhóm đất	
-	Đất đường cũ	15.024
-	Đất trồng lúa nước 1 vụ	0.4
-	Đất nương rẫy	6.68
-	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	26.71

(Nguồn: Báo cáo khả thi của dự án, 2026)

- Sau khi dự án được phê duyệt, UBND tỉnh Lai Châu sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và thực hiện giao đất cho chủ dự án.

2.1.3. Môi trường xung quanh của dự án với các đối tượng xung quanh

a. Các đối tượng tự nhiên

- Hiện trạng tuyến đường chủ yếu đi qua các vùng đất nông nghiệp, lâm nghiệp...
- Trong khu vực dự án không có khu dự trữ sinh quyển hay vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên nào. Tuyến chủ yếu đi qua vùng đất rừng, đất nương rẫy.
- Trong quá trình khảo sát, điều tra và tham vấn người dân địa phương khu vực xây dựng Dự án của Tư vấn Môi trường cho thấy không phát hiện các loài động thực vật quý hiếm.

b. Các đối tượng kinh tế - xã hội

- Dân cư: Tuyến đường phần lớn không đi qua khu vực có dân cư. Tại một số vị trí ngắn đi qua khu dân cư. Dân cư phân bố rải rác, chủ yếu sống dựa vào nông lâm nghiệp. Xung quanh khu vực xây dựng tuyến không có cơ sở sản xuất, kinh doanh nào. Tuyến không lấy vào đất ở của nhà dân.
- Di tích lịch sử, văn hóa, các công trình tâm linh: Tuyến không chiếm dụng các di tích lịch sử, văn hóa, công trình tâm linh.

2.1.4. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực dự án

Bảng 3. Các đối tượng bị tác động

TT	Tiêu chí xác định	Xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với khu vực dự án	Đối tượng bị tác động	Kết luận
1	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, dự án nuôi trồng thủy sản không theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh theo quy định của pháp luật về thủy sản)	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng của 26,71 ha đất rừng phòng hộ (có nguồn gốc là rừng tự nhiên).	Các hộ dân của xã Pa Tân	Có yếu tố nhạy cảm

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

Các tác động chính của dự án theo từng giai đoạn, bao gồm:

*** Giai đoạn chuẩn bị thi công:**

Chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 48,81 ha đất trong đó có 26,71 ha đất rừng phòng hộ để thực hiện các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động phát quang mặt bằng thi công gây phát sinh bụi, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt.

*** Giai đoạn thi công xây dựng:**

Hoạt động san ủi, đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình, vận chuyển phế thải xây dựng và hoạt động sinh hoạt của công nhân gây phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải khác, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại; gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt, nước ngầm, đất, hoạt động giao thông và sinh hoạt của người dân khu vực Dự án và nguy cơ xảy ra sự cố va phải bom mìn tồn lưu, tai nạn lao động, sự cố nổ mìn thi công đường, sự cố cháy nổ, xói lở.

*** Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động giao thông trên tuyến gây phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, hoạt động bảo dưỡng định kì gây phát sinh chất thải rắn, nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

- Tổng hợp các tác động môi trường chính của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Các tác động môi trường chính của Dự án

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh	Đối tượng chịu tác động
Chuẩn bị	Chiếm dụng đất ruộng, đất rừng	Trước khi tiến hành thi công.	Trung tâm phát triển quỹ đất tiến hành GPMB	Chiếm dụng đất, Ảnh hưởng đến thu nhập Gián đoạn sinh hoạt cộng đồng	Các hộ dân bị chiếm dụng đất
	Chuẩn bị công trường	Khoảng 1 tháng (tháo dỡ) và 1-2 tháng (chuẩn bị công trường)	Lắp dựng công trường và san ủi tạo mặt bằng 3 công trường.	Tiếng ồn, rác thải và phế thải	-Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
Xây dựng	Thi công đường, nút giao	36 tháng	Thi công nền đường hoàn thiện	Bụi do đào đắp Chất thải rắn (đất đá loại, chất thải rắn thi công)	- Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
	Di chuyển thiết bị	36 tháng	Vận hành máy móc thiết bị thi công, trạm trộn	Bụi, ồn, rung	- Môi trường không khí -Các hộ dân khu vực dự án
	Vận chuyển vật liệu/ phế thải	36 tháng	Sử dụng xe tải, xà lan	Bụi Hư hại tiện ích cộng đồng Ảnh hưởng đến giao thông	- Môi trường không khí -Các hộ dân dọc tuyến đường vận chuyển
	Hoạt động của công trường		Sinh hoạt công nhân ở lán trại	Chất thải rắn sinh hoạt/ nước thải sinh hoạt.	Môi trường đất, nước.
			Bảo dưỡng thiết bị thi công	Dầu, nước thải và chất thải chứa dầu, Nước mưa chảy tràn.	Môi trường nước mặt, trầm tích sông, suối

					khu vực dự án
Vận hành	Vận hành Dự án	Lâu dài	Vận hành trên tuyến	Bụi, ồn, rung, khí thải giao thông	- Môi trường không khí, đất, nước.
			Hoạt động của nhà trực thu phí	Nước thải, CTR thông thường, CTNH	- Các hộ dân khu vực dự án
	Bảo trì	Lâu dài	Sửa chữa các hư hỏng nhỏ	Chất thải rắn, an toàn giao thông.	

2.2.1. Các tác động liên quan đến chất thải

a. Quy mô, tính chất của nước thải

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 2,25 m³/ngày trên mỗi công trường (có 3 công trường). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), tổng Ni tơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng 3 m³/mỗi đợt bảo dưỡng. Thành phần nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng và dầu mỡ khoáng.

- Vùng chịu tác động: sông suối khu vực dự án.

* Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải chủ yếu phát sinh với khối lượng khoảng 85,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC_s,...

- Đối tượng chịu tác động: Các hộ dân khu vực dự án (KDC xã Pa Tần), cán bộ, công nhân làm việc trên công trường.

* Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông và hoạt động bảo dưỡng định kỳ, khối lượng phát sinh phụ thuộc vào mật độ tham gia giao thông.

- Đối tượng chịu ảnh hưởng: Hệ sinh thái dọc tuyến

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 2447,7 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày/mỗi công trường (3 công trường). Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn, rau, củ quả thừa,...), vỏ hộp, nylon, giấy bọc thực phẩm thải bỏ,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án với tổng khối lượng khoảng 403.768 m³. Thành phần chủ yếu gồm: Đất thải, phế liệu, ván khuôn, bê tông thừa,...

* Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng của Dự án.

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 26,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, hộp mực in thải.

* Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

a. Tiếng ồn và độ rung

* Trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới các khu dân cư (sau đây gọi là KDC) gần khu vực dự án với khoảng cách từ dưới 10m và một số đối tượng nhạy cảm khác, bao gồm: Công nhân thi công trên công trường và các khu dân cư gần công trường thi công ở khoảng cách <20m, bao gồm: Người tham gia/công nhân phá dỡ công trình tại khu vực thi công tuyến và KDC rải rác trên tuyến: KDC xã Pa Tần.

* Trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động của các phương tiện tham gia trên tuyến phát sinh tiếng ồn, có khả năng ảnh hưởng tới một số KDC nằm dọc hai bên tuyến tính từ phạm vi chỉ giới đường đỏ ở khoảng cách 10 m.

b. Nước mưa chảy tràn

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Quy mô, tính chất: Trong giai đoạn chuẩn bị, nước mưa chảy tràn kéo theo đất cát trên bề mặt đất xuống nguồn tiếp nhận (suối, thủy vực). Làm gia tăng độ đục, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, gia tăng tình trạng xói mòn đất khi dự án thực hiện đào, đắp nền đường gây tắc nghẽn dòng chảy, bồi lắng thủy vực, ảnh hưởng đến hệ sinh thái dưới nước. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng và các chất lơ lửng (gạch ngói, bê tông) cạnh cây....

- Vùng chịu tác động: khe suối khu vực dự án.

* Trong giai đoạn vận hành:

- Quy mô, tính chất: Thể tích nước mưa chảy tràn hình thành trung bình ở mức 3,82 lít/s. Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn trên bề mặt đường và cầu,...

- Vùng chịu tác động: Tác động của nước mưa chảy tràn chủ yếu được xem xét trên các khe tụ thủy, sông suối khu vực dự án (khe suối khu vực dự án).

c. Tác động tới kinh tế xã hội

* Giai đoạn chuẩn bị

Chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 48,81 ha đất trong đó có 26,71 ha đất rừng phòng hộ để thực hiện các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động phát quang mặt bằng thi công gây phát sinh bụi, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt. Hoạt động này sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống người dân như: ảnh hưởng đến các hộ dân bị GPMB, gây ảnh hưởng một phần đến kế sinh nhai của người dân, thu hồi đất.

* Giai đoạn thi công

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải: Tiềm ẩn nguy cơ làm hư hại tiện ích cộng đồng (các tuyến đường lên thôn, liên xã), gây mất an toàn giao thông.

- Hoạt động tập trung công nhân (đặc biệt công nhân từ địa phương khác đến): Có nguy cơ gây mất an ninh trật tự, phát sinh dịch bệnh, tệ nạn xã hội.

* Giai đoạn vận hành: Không có.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt bằng các bể tự hoại được xây dựng các công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

+ Quy trình xử lý: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh → đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

+ Công trình: Nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 10 m³.

- Đối với nước thải thi công: Xây dựng hệ thống cầu rửa xe và cống để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường thi công vào 01 bể lắng có dung tích 03 m³ và được cấu tạo gồm 03 ngăn.

+ Quy trình: Nước thải từ hoạt động rửa xe → bể lắng → tách dầu → lắng cặn → nước rửa sau khi được lắng cặn → làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

- Công trình: 01 bể lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, dung tích 03 m³.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn chứa chất lắng tập trung vào các rãnh thoát nước xung quanh khu vực thi công để lắng đọng bùn, đắp đê bao ngăn nước chảy tự do và định hướng dòng chảy đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục.

+ Quy trình: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước, đê bao → môi trường.

+ Công trình: không có.

* Trong giai đoạn vận hành: Nước thải trong giai đoạn vận hành không phát sinh.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan để có thể tái sử dụng, đảm bảo không thải nước thải ra ngoài môi trường; tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công:

+ Biện pháp đối với hoạt động đào đắp, thi công: Sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; Các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Trong giai đoạn vận hành: không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

2.3.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng đưa về các bãi đổ thải, các vị trí phù hợp trên tuyến chôn lấp, xử lý theo quy định với tần suất thường xuyên; tận dụng lại một phần đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động phá dỡ, giải phóng mặt bằng và tập kết riêng; đối với cây trồng sau khi đền bù cho các chủ sở hữu, các cây gỗ sẽ được người dân chặt hạ, phân loại để tái sử dụng. Phần không thể tận dụng lại được thu gom đi đổ thải tại 10 bãi thải.

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom riêng vào 02 thùng rác có nắp đậy tại mỗi công trường thi công để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Công trình: không có.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Đảm bảo toàn bộ CTR phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 35/2024/TT - BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt.

+ Chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo việc sử dụng bãi thải để lưu giữ đất, đá thải phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền.

+ Trường hợp đất, đá đào dôi dư từ hoạt động thực hiện Dự án được xác định là vật liệu xây dựng thông thường, thực hiện kiểm kê khối lượng và các thủ tục đăng ký, tận thu theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Đảm bảo toàn bộ CTR thông thường, CTR sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án đều được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ

sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh.
- Trong giai đoạn thi công: thu gom và lưu chứa tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh trong các thiết bị chuyên dụng, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 03 tháng/lần.

- Công trình: không có.

- Trong giai đoạn vận hành: không phát sinh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ CTNH và đảm bảo toàn bộ CTNH phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn:

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công: không sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn; sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Trong giai đoạn vận hành: Thường xuyên bảo dưỡng, nâng cấp công nghệ đầu kéo. Bảo dưỡng, vệ sinh tuyến đường sắt thường xuyên.

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công: các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; sử dụng thiết bị và máy móc có tần số rung thấp; bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; việc nổ mìn sẽ sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện là phương pháp gây chấn động rung thấp nhất.

- Trong giai đoạn vận hành: không có.

2.3.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- a. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; các hộ dân thuộc đối tượng phải di dời chỗ ở được bố trí tái định cư tại chỗ; các đối tượng bị ảnh hưởng đất sản xuất được đền bù theo quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công: Tất cả các khu vực được phát quang phải được đánh dấu rõ ràng trên thực địa; sử dụng các mốc định vị trong quá trình xây dựng; máy móc, thiết bị thi công thường xuyên được kiểm tra, giám sát để đảm bảo hoạt động phù hợp với tiếng ồn thấp; bố trí các trạm kiểm soát tại đầu công trường để ngăn chặn, hạn chế người trái phép vào khu vực thi công và cảnh báo cháy rừng.

- Trong giai đoạn vận hành: Phối hợp với chính quyền địa phương để xác định vùng cấm biển cảnh báo và quy định cấm xâm phạm ở những nơi có các hệ sinh thái nhạy cảm; cấm săn bắt động vật hoang dã, cấm chặt và đốt cây ngoài phạm vi tuyến để ngăn chặn cháy rừng và nguy cơ phá rừng.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến xói lở, sụt trượt

- Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công: Tăng cường gờ chắn đất để đảm bảo không sạt lở đất, không ảnh hưởng đến hệ sinh thái ở hạ lưu và khu vực dự án; Việc đào mố trụ được sắp xếp vào mùa khô, thi công càng nhanh càng tốt; các bãi tập kết vật liệu như đất, đá, cát sẽ được bố trí hợp lý, không để tràn xuống dòng chảy khi gặp mưa.

- Trong giai đoạn vận hành: Giải quyết vùng ảnh hưởng; gia cố mái taluy tại vị trí sụt trượt; cảnh báo an toàn cho các phương tiện tham gia trên tuyến.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới kinh tế xã hội: Chủ Dự án sẽ lập, phê duyệt và công khai Kế hoạch quản lý môi trường tại UBND xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu để người dân nắm rõ thông tin và tham gia việc kiểm tra, giám sát các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; Cung cấp đầy đủ kinh phí và thực hiện đền bù theo đúng quy định của pháp luật; Cam kết hoàn nguyên môi trường sau khi thi công xong.

e. Các biện pháp giảm thiểu tác động tới giao thông

- Đối với giao thông đường bộ: Bố trí biển báo, người phân luồng giao thông; tránh tràn đổ đất ra đường, tập kết máy móc, nguyên nhiên vật liệu trong giới hạn giải phóng mặt bằng; làm sạch bụi và bùn lầy trên đường dọc tuyến thi công.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 2 của Báo cáo này.

2.4.2. Giám sát môi trường

2.4.2.1. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, vật liệu thải và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại tất cả các vị trí có phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, số lượng thùng rác; phân loại, số lượng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo; hợp đồng, hóa chất, chứng từ giao nhận chất thải.

- Thực hiện phân định, phân loại các chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, rung động

- Tần suất giám sát: 6 tháng/ lần.

- Vị trí giám sát: Khu dân cư (KDC) xã Pa Tần.

- Thông số giám sát: Bụi (TSp), ồn (Leq), Rung (Lveq).

- Quy chuẩn so sánh QCVN 05:2023 /BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010 /BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010 /BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung động.

c) Giám sát khác

- Vị trí giám sát: Dọc khu vực dự án

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Thông số giám sát: Giám sát bảo vệ môi trường của công trường thi công (hệ thống biển báo, hàng rào, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, dụng cụ bảo hộ lao động...);

Giám sát xói lở, bồi lắng và tràn đổ vật liệu đắp, phế thải dọc theo tuyến thi công dự án; Giám sát việc phòng chống chặt phá cây rừng, cháy rừng, săn bắt động vật rừng; Giám sát sụt trượt, sạt lở dọc theo tuyến đường dự án.

2.4.2.2 Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành

- Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH: thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH theo quy định; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát sụt lún nền đường và xói lở dọc tuyến đường.

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng cục bộ.

- Vị trí giám sát:

+ Tại các vị trí xử lý nền đất yếu.

+ Tại các vị trí cống thoát nước ngang đường và cống thoát nước trên đường gom.

- Tần suất giám sát: Giám sát định kỳ trong giai đoạn bảo hành công trình (2 năm đầu khi dự án đi vào vận hành).

2.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Phòng ngừa sự cố do kỹ thuật: Tuân thủ phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công các công trình cầu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công, kiểm tra và nghiệm thu các công trình cầu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong giai đoạn thi công.

b. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ trong giai đoạn thi công: Tuân thủ các quy định về lưu giữ vật liệu dễ cháy; trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và tập huấn tuyên truyền nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy cho công nhân.

c. Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động, giám sát công nhân mang đầy đủ bảo hộ lao động; Có kế hoạch ứng cứu: Liên lạc với trạm y tế xã, bệnh viện huyện nếu xảy ra tai nạn.

d. Phòng ngừa sự cố sạt lở

- Trong giai đoạn thi công: Tăng cường gờ chắn đất để đảm bảo không sạt lở đất, không ảnh hưởng đến hệ sinh thái ở hạ lưu và khu vực dự án; Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; không đào móng trụ cầu vào mùa mưa lũ; sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hồ để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ;

Giám sát thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những vị trí có nguy cơ sạt lở; cảnh báo nơi có khả năng xảy ra sự cố sạt lở.

- Trong giai đoạn vận hành: Giải quyết vùng ảnh hưởng; Gia cố mái taluy tại vị trí sụt trượt; Cảnh báo an toàn cho các phương tiện tham gia trên tuyến.

e. Quản lý, phòng ngừa ứng phó rủi ro, sự cố ngộ độc thực phẩm: Giữ gìn vệ sinh chung; đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm và chế biến hợp vệ sinh.

g. Quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố cháy rừng: Nghiêm cấm hút thuốc, nấu ăn và mang các chất dễ cháy ngoài khu vực công trường; Có kế hoạch để kịp thời ứng phó sự cố

h. Phòng ngừa sự cố do bom mìn tàn dư và sự cố do nổ mìn: Thuê đơn vị công binh chuyên trách thực hiện công tác rà phá bom mìn; Hợp đồng với đơn vị chức năng thực hiện công tác nổ mìn phá đá; lắp đặt biển báo, cảnh báo nguy hiểm khu vực nổ mìn; tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại QCVN 01:2019/BCT.

i. Sự cố tai nạn giao thông: Tại điểm giao cắt trên toàn tuyến có biển báo hiệu tốc độ.

2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: không có.

2.5.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có.

2.5.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ.

Thi công theo đúng thiết kế được duyệt sẽ loại trừ các tác động đến khả năng tiêu thoát lũ, ổn định lòng bờ, bãi sông tại các vị trí thi công cầu.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và thanh thải lòng sông khu vực Dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết bảo đảm tiêu thoát nước, không gây ngập úng khu vực dự án, kể cả giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành, chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường cho các chủ thể có liên quan nếu xảy ra ngập úng.

- Cam kết chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu nêu trong báo cáo ĐTM.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



PHÓ CHỦ HUY TRƯỞNG
Đại tá Lô Văn Quý

